

# ĐIỂM TƯƠNG ĐỒNG GIỮA MỘT SỐ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỚI MỘT SỐ HỌC THUYẾT TÔN GIÁO

ThS. NGUYỄN THỊ THANH DUNG  
*Khoa Lý luận chính trị*  
*Trường Đại học Giao thông Vận tải*

**Tóm tắt:** Tư tưởng đại đoàn kết là một trong những tư tưởng nổi bật, có ý nghĩa chiến lược trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh. Tư tưởng ấy được hình thành trên cơ sở kế thừa truyền thống đoàn kết của dân tộc với những tư tưởng tiến bộ trong lịch sử nhân loại mà đỉnh cao là chủ nghĩa Mác – Lênin. Người đã tìm thấy điểm hợp lý và tương đồng giữa các học thuyết, đặc biệt là những tư tưởng tôn giáo nhằm giải đáp những yêu cầu thực tiễn của dân tộc và thời đại. Nhận rõ điểm tương đồng giữa tư tưởng Hồ Chí Minh với các học thuyết tôn giáo sẽ thấy được tính kế thừa của Hồ Chí Minh trong việc tiếp nhận tinh hoa văn hoá nhân loại và ý nghĩa của tư tưởng đó đối với cách mạng Việt Nam.

**Summary:** The idea about the great unity is one of the ideas which are outstanding and have a strategic significance in Ho Chi Minh ideology. This idea was formed on the basis of inheriting traditions about great unity of ethnic with progressive ideas in human history in which the Marxism – Leninism is the most outstanding. President Ho Chi Minh found reasonable and similar points among theories, especially the religious ideas to answer the practical requirements of ethnic and age. Identifying the similarities between Ho Chi Minh ideology and religion theories, we will see the inheritance in Ho Chi Minh's in receiving the quintessence of human culture and its meaning for Vietnam's revolution.

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tư tưởng đại đoàn kết là một trong những tư tưởng nổi bật, có ý nghĩa chiến lược trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh. Tư tưởng ấy được hình thành trên cơ sở kế thừa truyền thống đoàn kết của dân tộc với những tư tưởng tiến bộ trong lịch sử nhân loại mà đỉnh cao là chủ nghĩa Mác – Lênin. Hồ Chí Minh luôn dựa trên những kinh nghiệm sẵn có

trong lịch sử để phát triển, vận dụng sáng tạo những yếu tố tiến bộ trong những tư tưởng ấy để đưa ra những quyết sách cho cách mạng Việt Nam. Mặc dù giữa các học thuyết có những điểm khác biệt nhưng Hồ Chí Minh cũng nói khá nhiều về tính tương đồng giữa lý tưởng tôn giáo lớn, chân chính với những tư tưởng mác xít mà chính Người là một điển hình.

## II. NỘI DUNG

Dưới bình diện chung nhất, sự tương đồng đó biểu hiện ở sự thống nhất về cơ bản trong mục tiêu giải phóng con người của giai cấp công nhân và của các học thuyết tôn giáo chân chính. Điều đó biểu hiện ở chỗ cả lý tưởng cộng sản và các học thuyết tôn giáo chân chính đều muốn xoá bỏ tình trạng áp bức, bóc lột, bất công. Mọi người được sống trong hoà bình, hữu nghị của một thế giới đại đồng, không có chế độ người bóc lột người; cả học thuyết tôn giáo chân chính và học thuyết cách mạng thực sự trong thời đại ngày nay đều có vai trò to lớn trong việc hoàn thiện con người.

Hồ Chí Minh viết: “Học thuyết của Khổng Tử có ưu điểm của nó là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân. Tôn giáo Giêsu có ưu điểm của nó là lòng bác ái cao cả. Chủ nghĩa Mác có ưu điểm là phương pháp làm việc biện chứng. Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm của nó là chính sách của nó thích hợp với điều kiện nước ta. Khổng Tử, Giê su, Mác, Tôn Dật Tiên chẳng có những điểm chung đó sao? Họ đều muốn mưu hạnh phúc cho loài người, mưu phúc lợi cho xã hội. Nếu hôm nay họ còn sống trên cõi đời này, nếu họ hợp lại một chỗ, tôi tin rằng, họ nhất định chung sống với nhau rất hoàn mỹ như những người bạn thân thiết. Tôi cố gắng làm người học trò nhỏ của các vị ấy.”

Hồ Chí Minh đã thấy được điểm tương đồng giữa các học thuyết là đều muốn mọi người có cơm ăn áo mặc, bình đẳng, tự do, thế giới đại đồng”. Về phía người cộng sản mà Hồ Chí Minh là một trong những người tiêu

biểu, Người viết: “tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”. Rõ ràng, dù là ai, theo học thuyết, trường phái nào cũng đều có một điểm chung là vì tự do, hạnh phúc của con người. Đây cũng có thể là sự hé mở cho chúng ta tiếp cận một thuyết mới: thuyết hội tụ. Hồ Chí Minh đã thấy được sự tương đồng giữa lý tưởng cộng sản với mục tiêu của tôn giáo chân chính được thể hiện ở chỗ: đất nước không được độc lập, tôn giáo nói chung, các tín đồ tôn giáo nói riêng cũng không có tự do. Đấu tranh cho độc lập, tự do của Tổ quốc là nguyện vọng thiết tha của mọi người dân, kể cả các tín đồ. Bởi lẽ, giành độc lập dân tộc là điều kiện để có độc lập, tự do cho tôn giáo, cho mọi giáo dân. Đề cập đến mối quan hệ tương đồng đó, tháng 1-1946, khi Việt Nam bị thực dân Pháp xâm lược lần nữa, Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh: “nước không độc lập thì tôn giáo không được tự do, nên chúng ta phải làm cho nước được độc lập đã”.(1)

Quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo không tách rời với vận mệnh dân tộc, vận mệnh đất nước, cho nên, mọi người Việt Nam dù có tín ngưỡng hay không đều phải góp phần mình để giành và giữ nền độc lập nước nhà.

Đấu tranh cho độc lập dân tộc cũng chính là đấu tranh cho quyền độc lập của các tôn giáo, của giáo dân. Tôn giáo tồn tại trên mảnh đất dân tộc, nên giải phóng Tổ quốc cũng chính là giải phóng đất thánh - giải phóng mảnh đất mà trên đó các tôn giáo tồn tại.

Chúng ta đều biết, một trong những

chính sách cai trị hà khắc của thực dân Pháp đã thực hiện ở An Nam là chia để để bề cai trị. Chúng chia rẽ khối đoàn kết của nước ta ra làm ba miền với các chế độ cai trị khác nhau. Đồng thời, chúng cũng gây ra sự chia rẽ lương – giáo, tạo nên mối thù hằn giữa các tôn giáo, chúng phân chia giữa giáo sỹ phương Tây với các giáo sỹ, linh mục người bản xứ để có các hình thức đối xử khác nhau. Các giáo sỹ, linh mục người Việt bị miệt đãi, đối xử rất tàn tệ, họ chỉ là tôi tớ của giáo sỹ phương Tây, bị coi như những kẻ nô lệ. Người khẳng định rằng, dưới chế độ phong kiến, “đạo thiên chúa ở nước ta có rất nhiều giám mục người Pháp và người châu Âu, mà rất ít giám mục người Việt Nam. Cách đối xử với linh mục và bà phước người châu Âu hơn linh mục và bà phước người Việt Nam. Như thế có phải là không phân biệt nòi giống không?” (2)

Sống dưới chế độ áp bức bóc lột, bị đè nén nặng nề, người lao động Việt Nam nói chung và đồng bào lương – giáo nói riêng cần vùng dậy giải phóng khỏi mọi áp bức, bóc lột, bất công. Bởi vậy, trong cuộc họp Hội đồng chính phủ lâm thời ngày 3-9-1945, Hồ Chủ tịch khẳng định: “thực dân và phong kiến thi hành chính sách chia rẽ đồng bào giáo và đồng bào lương để dễ bề thống trị, tôi đề nghị chính phủ ta tuyên bố: tín ngưỡng tự do và lương giáo đoàn kết”(3). Mục tiêu giải phóng Tổ quốc cũng có nghĩa là giải phóng đất chúa – nơi tôn giáo tồn tại. Khi chúng ta giải phóng Bùi Chu, Phát Diệm, Hồ Chí Minh khẳng định, giải phóng Bùi Chu và Phát Diệm cũng tức là giải phóng đất thánh.

Khi thực dân Pháp một lần nữa quay lại

xâm lược nước ta, để giữ vững nền độc lập giành được bằng sự hy sinh xương máu của dân tộc, chúng ta phải tiến hành cuộc kháng chiến. Người khẳng định, kháng chiến, kiến quốc để giữ vững độc lập dân tộc cũng là phù hợp ý chúa. “Chúng ta kháng chiến cứu nước, thì đua tăng gia sản xuất và tiết kiệm, cải cách ruộng đất làm cho người cày có ruộng, tín ngưỡng tự do, như thế là những việc chính phủ và nhân dân ta làm đều hợp với tinh thần phúc âm. Cho nên, tôi chúc đồng bào công giáo làm trọn chính sách của chính phủ cũng là làm trọn tinh thần của Đức chúa cơ đốc”. Bởi vậy, đồng bào ta “lương cũng như giáo, đoàn kết kháng chiến, ủng hộ chính sách ruộng đất, tức là làm đúng lời dạy của chúa Giêsu, tức là thật thà tôn kính chúa Giêsu”.

Trên cơ sở nêu cao chữ “Đồng”, lấy điểm chung của các học thuyết, tư tưởng, tôn giáo, tư tưởng Hồ Chí Minh như sợi dây liên kết tinh thần đoàn kết giữa đồng bào lương – giáo tạo nên khối đoàn kết thống nhất giữa các tầng lớp và nhân dân lao động trong cả nước.

Chủ tịch Hồ Chí Minh còn giành mối quan tâm đặc biệt đến việc xây dựng khối đoàn kết toàn dân, nhất là đồng bào lương – giáo. Trong thư gửi đồng bào công giáo nhân dịp lễ giáng sinh ngày 25-12-1956, Người viết: “Nhân dịp lễ sinh nhật này, tôi mong các hàng giáo sỹ và đồng bào đã đoàn kết nay càng đoàn kết hơn, đoàn kết giữa nhân dân và cán bộ, giữa đồng bào giáo và đồng bào lương để... mau thống nhất nước nhà, cho Bắc Nam sum họp như lời cầu nguyện của chúa Kirixitô: “Nguyện cho hết thảy đồng bào hoàn toàn hợp nhất với nhau”(4). Nhờ tư tưởng đó,

chúng ta đã phát huy được sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Bằng tài năng và đức độ và nhân cách của mình, Hồ Chí Minh đã được đồng bào Phật giáo Việt Nam tôn vinh như một vị Bồ tát sống. Thượng toạ Thích Thanh Từ và Ni sư Thích Nữ Như Ngọc đã viết: “những tư tưởng, đạo đức, tác phong và việc làm của Bác Hồ thì hoàn toàn phù hợp với giáo lý của Đạo Phật. Bác Hồ không những là vị anh hùng giải phóng dân tộc, là nhà văn hoá lớn mà Bác Hồ còn là hiện thân của Đạo Phật và là một Bồ tát hoá thân”(5).

Qua đây có thể thấy, tư tưởng biện chứng của Hồ Chí Minh thấm nhuần sâu sắc tư tưởng “lục hoà” nhằm tạo ra sự hoà hợp từ vật chất đến tinh thần, từ lời nói đến việc làm của chúng sinh nhằm đạt tới mục đích chung, cao đẹp: thân hoà đồng trụ, ngôn hoà đồng nghiệp; giới hoà đồng tu; kiến hoà đồng giáo; lợi hoà đồng quan. Hồ Chí Minh đã tiếp thu, cải biến tư tưởng đó để thành những nguyên tắc, phương pháp xây dựng lý luận cách mạng hết sức khoa học.

Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng, trong khi nhấn mạnh chữ “đồng”, Hồ Chí Minh cũng không xem nhẹ việc loại trừ khác biệt và đối lập; Người kiên quyết chống căn bệnh “tả” khuynh lẫn hữu khuynh. Chính nhờ nắm bắt được cái hồn của phép biện chứng về mâu thuẫn để vận dụng cụ thể vào công việc lãnh đạo cách mạng nước nhà. Hồ Chí Minh đã hoá giải một cách khôn ngoan những đối kháng về quyền lợi bộ phận trong những hoàn cảnh nhất định, nêu cao sự tương đồng để tập trung cao

nhất mọi lực lượng, mọi trí tuệ cho lợi ích toàn cục. Người nói “cầu đồng tôn dị”, lấy cái chung để hy sinh lợi ích cá nhân, tập hợp khối đoàn kết toàn dân. Đây là tư tưởng xác định rõ chủ thể, động lực của cách mạng - một trong những nhân tố quan trọng, quyết định thành công của cách mạng Việt Nam. Lấy đây là bài học quý báu trong sự nghiệp xây dựng đất nước hiện. Bác từng nói:

“Dân ta nên nhớ chữ đồng,

Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh.”

### III. KẾT LUẬN

Vận dụng tư tưởng đó trong giai đoạn hiện nay, chúng ta cần biết phát huy sức mạnh tổng hợp của mọi tầng lớp, giai cấp trong nước cũng như kiều bào nước ngoài, tạo ra thế và lực của đất nước trên đà hội nhập quốc tế. Đặc biệt, trước xu thế toàn cầu hoá hiện nay càng cần sức mạnh tổng hợp của các tầng lớp, giai cấp, tôn giáo trong nước để nhân sức mạnh dân tộc lên gấp bội trong sự kết hợp với sức mạnh thời đại. Đại hội Phật giáo được tổ chức vào các kỳ chính là một minh chứng cho sự tương đồng về lý tưởng giữa các giai cấp, tầng lớp yêu nước cũng như các giáo dân trên đất nước Việt Nam. Tất cả đều vì cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, vì hoà bình, dân chủ và tiến bộ trên thế giới.

---

#### Tài liệu tham khảo

- [1]. Báo cứu quốc, ngày 14-01-1946.
- [2]. Báo nhân dân, số 38, ngày 27-12-1951.
- [3]. Hồ Chí Minh, Toàn tập. NXB Chính trị quốc gia, HN, 1995, t.4, tr.9.
- [4]. Hồ Chí Minh với Phật giáo. Nội san nghiên cứu Phật học, số đặc biệt, tr.29-30 và tr.16-17♦